

**TOÀ ÁN NHA DA
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2021/HS-PT
Ngày 04/05/2021

**NHA DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHA DA TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Minh Quán.

Các Thẩm phán: Ông Bùi Văn Khanh và ông Phùng Lâm Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thu Hằng – Thư ký Toà án nhA dA tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhA dA tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 04/5/2021, tại trụ sở Toà án nhA dA tỉnh Lào Cai xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 11/2021/TLPT-HS ngày 02 tháng 3 năm 2021 đối với bị cáo Lý Thị L (Lý Thị N) do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 01/2021/HSST ngày 21/01/2021 của Tòa án nhA dA huyện X, tỉnh Lào Cai.

Bị cáo kháng cáo: Lý Thị L (tên gọi khác: Lý Thị N); sinh ngày 01 tháng 7 năm 1979, tại huyện T, tỉnh Lào Cai.

Nơi đăng ký hộ khẩu và nơi ở: Thôn C, xã C1, huyện T, tỉnh Lào Cai.

DA tộc: Nùng; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 9/12.

Tiền án, tiền sự, nhA thA: Không.

Con ông Lý Chấn P (đã chết) và bà Hoàng Thị D.

Chồng: Nông Văn D (Đã ly hôn); Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2006.

Bị cáo bị tạm giữ ngày 22/8/2020, tạm giam ngày 28/8/2020, đến ngày 23/9/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp Bảo lãnh. (Có mặt tại phiên tòa)

- Những người liên quan đến kháng cáo:

*** Người bào chữa cho bị cáo:** Bà Lê Lưu L1 và ông Phan Công T1 - Luật sư, Công ty Luật TNHH E.

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà V, số 200 đường T2, phường T3, quận Đ, thành phố Hà Nội. (Có mặt).

*** Các bị cáo không có kháng cáo, kháng nghị:** Nông Đức N1 và Tô Văn A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm vụ án có nội dung như sau: Hồi 20 giờ 30 phút ngày 20/8/2020, tổ Công tác Công an huyện X tuần tra, kiểm soát tại Km 31+ 800 đường tỉnh lộ 156B thuộc tổ 1, thị trấn X, tỉnh Lào Cai phát hiện xe ô tô biển kiểm soát 24C – 106.61 lưu thông theo hướng từ thành phố Lào Cai đi huyện X có biểu hiện nghi vấn. Tổ công tác ra tín hiệu dừng xe để kiểm tra. Tô Văn A sinh năm 1979 trú tại tổ 3, phường Duyên Hải là lái xe dừng xe. Vàng Thị B, Lục Toàn K, Lục V Linh, Lục Minh V mở cửa xe bỏ chạy, tổ công tác đuổi theo bắt giữ được. Cùng lúc này Lý Thị L đi xe mô tô ngay phía sau ô tô phát hiện vụ việc nên quay xe bỏ chạy. Tổ công tác đưa Tô Văn A, Vàng Thị B, Lục Toàn K, Lục V L1, Lục Minh V về trụ sở Công an huyện X, sau đó triệu tập Lý Thị L đến trụ sở công an huyện X để làm việc. Vàng Thị B khai thuê Lý Thị L (Lý Thị N) tổ chức cho 03 người Trung Quốc có tên trên xuất cảnh về Trung Quốc.

Căn cứ vào lời khai của B, L, A, Công an huyện X phối hợp với đội cảnh sát giao thông đường bộ số 4 Công an tỉnh Lai Châu bắt giữ Nông Đức N1.

Quá trình điều tra các bị cáo khai nhận: Đầu năm 2018, Vàng Thị B sang Trung Quốc làm ăn có quen và quan hệ tình cảm với Lục Toàn K, trú tại thị trấn Lô Vu, huyện TA Dương, thành phố Nam Ninh, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc. Tháng 6/2020, K hẹn B ở thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn nên B lên Lạng Sơn gặp K rồi cùng nhau đi về thị xã Sa Pa, tỉnh Lào Cai thuê nhà trọ ở. Cuối tháng 7/2020, K muốn về Trung Quốc nên bảo B tìm cách về Trung Quốc vì K sang Việt Nam không có giấy tờ hợp pháp. Do quen biết với Lý Thị L (Lý Thị N) nên khoảng 13 giờ ngày 17/8/2020, B gọi điện cho L hỏi có đưa người về Trung Quốc được không? L bảo B để hỏi đã rồi thông báo cho em sau. Sau đó L gọi điện cho Tô Văn A hỏi, A gọi điện cho Nông Đức N1, N1 nói đi được nên A nói lại cho L biết. L gọi điện cho B nói đi được giá đưa 01 người sang Trung Quốc là 8.000 nhA dA tệ. Khoảng 17 giờ ngày 18/8/2020, L cùng A đến nhà N1 ở thôn Phố Mới 2, xã Trịnh Tường, huyện X, tại đây A bàn bạc với N1 về việc tổ chức cho 03 người xuất cảnh trái phép rồi cùng nhau ra quán ăn cơm, ăn xong L và A đi về. Đến khoảng 14 giờ 30 ngày 20/8/2020 B gọi cho L trả giá tiền công là 7.000 nhA dA tệ/01 người, L đồng ý vì vậy K gọi điện cho hai người bạn Trung Quốc đang ở Lào Cai rồi nói với B có hai người bạn cùng về. B gọi điện cho L nói có K và hai người bạn Trung Quốc về cùng. Sau khi thống nhất giá tiền công với B, L gọi điện cho A nói tối nay đưa 03 người về Trung Quốc giá là 7.000 nhA dA tệ/01 người nên A gọi điện cho N1, N1 nói đi được. Sau đó N1 gọi điện cho Vui Văn Liên thuê Liên đưa 03 người Trung Quốc từ Việt Nam về Trung Quốc, Liên hỏi tiền công thì N1 nói 2.000 nhA dA tệ và hẹn tối đón ở thôn Cửa Suối, xã Nậm Chạc. Sau đó N1 gọi điện cho Thìn là người Trung Quốc thuê Thìn đón 03 người Trung Quốc ở bờ sông

phía bên Trung Quốc đưa đến thành phố Mông Tự, tỉnh VA Nam, Trung Quốc giá 2.000 nhA dA tệ/01 người, Thìn đồng ý. Sau khi thống nhất với Liên, Thìn, N1 gọi điện cho A nói giá 5.000 nhA dA tệ/01 người, A đồng ý và thống nhất địa điểm giao 03 người Trung Quốc cho N1 tại đầu cầu Ngòi Phát thuộc xã Bản Vược, huyện X rồi nói lại cho L biết. L gọi điện cho B nói tối nay đi được, nhưng phải chờ trời tối và hẹn đón ở cây xăng Cốc San. Khoảng 17 giờ 30 ngày 20/8/2020, A đến nhà L dự lễ cúng giải hạn của mẹ L, ăn cơm xong đến khoảng 19 giờ A đi xe ô tô của A cùng L đưa thầy cúng về nhà ở thôn Đá Đình, xã Tả Phời, rồi cùng L đi đến cây xăng Cốc San để đón B và 03 người Trung Quốc. Khi đến cây xăng, thấy B và K đang ngồi ở quán nước ven đường, khoảng 10 phút sau thì có 02 người Trung Quốc đi xe ôm đến. A lái xe chở L, B và 03 người Trung Quốc đi. Trên đường đi A gọi điện cho N1 nói đã đón được 03 người Trung Quốc và bảo ra đầu cầu Ngòi Phát đón. N1 yêu cầu chuyển trước số tiền 15.000 nhA dA tệ, L bảo N1 gửi số tài khoản của N1 vào Zalo của A để chuyển tiền. N1 đã gửi số tài khoản 8803205061619 tại ngA hàng AGRIBANK huyện X vào Zalo của A. L đưa điện thoại có số tài khoản của N1 cho B bảo chuyển trước 15.000 nhA dA tệ vào tài khoản cho N1 nên B bảo K chuyển 21.000 nhA dA tệ vào số tài khoản của Kim Anh Tuấn là người quen của B chuyên làm nghề đổi tiền ở cửa khẩu Lào Cai. K gọi điện cho người nhà ở Trung Quốc chuyển 21.000 nhA dA tệ vào tài khoản của Tuấn. Theo hướng dẫn của B, Tuấn đã lấy 15.000 nhA dA tệ đổi ra tiền Việt Nam được 49.500.000 đồng rồi chuyển vào tài khoản của N1. Còn lại 6.000 nhA dA tệ trong tài khoản của Tuấn, B bảo Tuấn sẽ lấy sau. Khi xe của A đi đến khu vực ngã ba công ty do xe chật nên L xuống xe đi mượn xe mô tô của người bạn tên là Huyền nhà ở đường Nguyên Khang thuộc phường Cốc Lếu, còn A lái xe theo hướng Km0, xã Bản Vược, trên đường đi A gọi điện báo cho N1 bảo N1 chuẩn bị đón. Khi đi đến Km 31+ 800 đường tỉnh lộ 156B thuộc tổ 1, thị trấn X, tỉnh Lào Cai thì bị bắt giữ.

Quá trình điều tra, Vui Văn Liên khai ngày 20/8/2020, N1 có gọi điện bảo đưa 03 người Trung Quốc qua sông về Trung Quốc, Liên nhận lời và đi sang nhà Lò Văn Tủi mượn chiếc sãm xe ô tô đi ra sông nhưng thấy nước sông to và chảy siết nên Liên mang chiếc sãm ô tô về trả cho Lò Văn Tủi rồi đi về nhà.

Bản án số 01/2021/HSST ngày 21/01/2021 của TAND huyện X đã quyết định: Tuyên bố các bị cáo Lý Thị L (Lý Thị N), Nông Đức N1, Tô Văn A phạm tội: “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 15, 17, 57, 58 BLHS, xử phạt bị cáo: Lý Thị L (Lý Thị N) 01 năm 06 tháng tù.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên phạt các bị cáo Tô Văn A 01 năm 03 tháng tù cho hưởng án treo, bị cáo Nông Đức N1 01 năm tù cho hưởng án treo; giải quyết trách nhiệm dA sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 02/02/2021 bị cáo Lý Thị L kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Tại phiên toà phúc thẩm:

Bị cáo Lý Thị L thay đổi nội dung kháng cáo, bị cáo xin hưởng án treo và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhA dA tỉnh Lào Cai phát biểu ý kiến: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 01/2021/HSST ngày 21/01/2021 của Tòa án nhA dA huyện X, tỉnh Lào Cai.

Những người bào chữa cho bị cáo có ý kiến: Bị cáo Lý Thị L không phải là người chịu trách nhiệm chính trong vụ án, không phải là người chủ mưu, cầm đầu, Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có đủ các điều kiện để được xem xét cho hưởng án treo. Vì vậy đề nghị HĐXX xem xét sửa án sơ thẩm, cho bị cáo Lý Thị L được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Do hám lợi, ngày 20/8/2020 khi được Vàng Thị B gọi điện thuê đưa 03 người Trung Quốc xuất cảnh trái phép từ Việt Nam sang Trung Quốc với giá 7.000 nhA dA tệ/người, Lý Thị L đã đồng ý và nhận lời với Vàng Thị B. Sau đó, bị cáo đã rủ rê Tô Văn A cùng tham gia đưa 03 người Trung Quốc từ Việt Nam sang Trung Quốc. Tô Văn A đồng ý và thuê Nông Văn N1 trực tiếp đưa 03 người Trung Quốc vượt biên trái phép sang Trung Quốc với giá 5.000 nhA dA tệ/người. Khi Tô Văn A và Lý Thị L đang tổ chức đưa 03 người Trung Quốc trên đường từ cây xăng S, huyện X đến khu vực cầu Ngòi Phát thuộc xã V1, huyện X để Nông Văn N1 đưa trái phép sang Trung Quốc, khi đi đến Km 31+ 800 đường tỉnh lộ 156B thuộc tổ 1, thị trấn X, tỉnh Lào Cai thì bị Công an bắt quả tang.

Vì vậy, bị cáo Lý Thị L bị Tòa án nhân dân huyện X xét xử về tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép” và xử phạt bị cáo 01 năm 06 tháng tù theo quy định tại khoản 1 Điều 348 Bộ luật hình sự.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo:

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Bị cáo Lý Thị L là người có năng lực trách nhiệm hình sự, hiểu biết pháp luật nhưng do hám lợi nên bị cáo đã bất chấp pháp luật cùng các bị cáo Tô Văn A, Nông Văn N1 thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực xuất, nhập cảnh của Cơ quan nhà nước được pháp luật bảo V. Hành vi đó ảnh hưởng đến việc giữ gìn an ninh - chính trị, trật tự - an toàn xã hội, nhất là trong thời điểm dịch Covid-19 đang diễn biến phức tạp.

Vì vậy, bị cáo bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép” là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Mức án 01 năm 06 tháng tù giam mà cấp sơ thẩm tuyên phạt đối với bị cáo là phù hợp, đã xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đến nhA thA của bị cáo cũng như hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt.

Trong vụ án này, bị cáo Lý Thị L là người khởi xướng, trực tiếp liên lạc với Vàng Thị B, thỏa thuận giá cả và móc nối với Tô Văn A để tổ chức cho 03 người Trung Quốc xuất cảnh trái phép. Tại phiên tòa, bị cáo Lý Thị L cũng đã thừa nhận, bị cáo được Vàng Thị B gọi điện nhờ đưa người sang Trung Quốc, bị cáo đã gặp gỡ trao đổi với Tô Văn A; bị cáo khẳng định nếu bị cáo không nói với Tô Văn A thì A cũng sẽ không thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, bị cáo phải là người chịu trách nhiệm chính trong vụ án.

Bị cáo và những người bào chữa cho bị cáo cho rằng, bị cáo không phải là người chủ mưu, cầm đầu, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhA thA tốt nên có đủ điều kiện để được hưởng án treo. Tuy nhiên, HĐXX xét thấy: Như đã phA tích ở trên, trong vụ án này bị cáo là người khởi xướng, chủ mưu, cầm đầu. Căn cứ vào khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 02/2018/HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì bị cáo thuộc trường hợp không cho hưởng án treo.

Từ những phA tích trên, xét thấy kháng cáo của bị cáo và ý kiến của người bào chữa cho bị cáo là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[3] Về án phí: Do kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự:

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lý Thị L (Lý Thị N), giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 01/2021/HSST ngày 21/01/2021 của Tòa án nhA dA huyện X, tỉnh Lào Cai như sau:

Tuyên bố bị cáo Lý Thị L (Lý Thị N) phạm tội: “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 15, 17, 57, 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo: Lý Thị L (Lý Thị N) 01 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án, khấu trừ cho bị cáo 32 ngày tạm giữ, tạm giam.

2. Về án phí phúc thẩm: Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ của Quốc Hội: Buộc bị cáo Lý Thị L (Lý Thị N) phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dA sự thì người được thi hành án dA sự, người phải thi hành án dA sự hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dA sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dA sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lào Cai;
- Phòng hồ sơ CA tỉnh Lào Cai;
- Sở Tư pháp;
- CQ THAHS CA H. X;
- CQ CSĐT CA H. X;
- TAND H. X;
- VKSND H. X;
- Chi cục THADS H. X;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Lưu hồ sơ – AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Minh Quán